

KẾ HOẠCH

Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch Hành động Quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 5914/QĐ-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021-2025”.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 như sau:

Phần I

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN, SỨC KHOẺ TÌNH DỤC CỦA VỊ THÀNH NIÊN, THANH NIÊN

1. Thực trạng công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên tại Việt Nam

Năm 2015, kết quả điều tra quốc gia về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho thấy ngày nay vị thành niên, thanh niên có điều kiện tiếp cận thông tin dễ dàng hơn như: máy tính (52%) và kết nối internet (49%). So sánh với năm 2009 thì các con số này lần lượt chỉ là 20% và 11%. Hiện có hơn 90% vị thành niên trong độ tuổi 10-19 tuổi cho biết đã trao đổi và tiếp cận thông tin thông qua các kênh hiện đại như: Internet, truyền hình và tin nhắn SMS trên điện thoại di động. Từ năm 2006 đến năm 2020, công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ nữ vị thành niên, thanh niên có kiến thức đúng về thời điểm mà một người phụ nữ dễ

thụ thai đã được cải thiện, mặc dù chưa nhiều. Tỷ lệ này ở nam tương ứng là 12,8% và 7,0%. Tỷ suất sinh ở nữ vị thành niên đã giảm đáng kể từ 46 ca sinh/1.000 phụ nữ năm 2011 xuống còn 16 ca sinh/1.000 phụ nữ năm 2020.

2. Thực trạng công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên tại thành phố Hà Nội

2.1. Tổ chức mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên

- Hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tại Hà Nội được đổi mới, cải thiện; từng bước được đầu tư nâng cấp để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân thủ đô. Nhiều tiến bộ khoa học, y học đã được áp dụng trong chẩn đoán, phát hiện sớm và điều trị; nhiều kỹ thuật cao đang được thực hiện trong các đơn vị y tế như thụ tinh nhân tạo, phẫu thuật nội soi, phát hiện sớm và điều trị ung thư sinh dục..., công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản nói chung, sức khỏe vị thành niên, thanh niên nói riêng được triển khai tại các bệnh viện cũng như tuyến y tế cơ sở.

- Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Hà Nội được bao phủ rộng khắp. Hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản được kiện toàn từ Thành phố đến quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn. Tại tuyến Thành phố có Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội; Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, 22 bệnh viện có khoa sản; 30 Trung tâm Y tế quận, huyện đều có các khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; các Trạm y tế xã, phường, thị trấn và Phòng khám đa khoa đều có cán bộ chuyên trách. Bên cạnh đó, còn các bệnh viện tuyến Trung ương, bệnh viện ngành, bệnh viện tư nhân và các Phòng khám ngoài công lập trên địa bàn Thành phố triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2.2. Kết quả hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên

- Các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản được triển khai toàn diện và bao phủ toàn Thành phố nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong mẹ, giảm tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ trẻ em. Các chỉ tiêu chính cơ bản phản ánh chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, tỷ lệ khám thai của phụ nữ để đạt 100%, tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ đạt 99,2%; Tỷ lệ bà mẹ sinh có cán bộ y tế hỗ trợ đạt 100%; Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà sau sinh đạt 96,2%, tỷ lệ tử vong mẹ đạt 4,5/100.000 trẻ đẻ sống.

- Tổng số vị thành niên có thai là 602 người trên tổng số phụ nữ mang thai toàn Thành phố là 134.514 người, chiếm tỷ lệ 0,45%.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ ở tuổi vị thành niên chiếm 0,39% trong tổng số phụ nữ đẻ toàn Thành phố.

- Tỷ lệ phá thai tuổi vị thành niên chiếm 0,65% trong tổng số ca phá thai.

- Không có tai biến sản phụ khoa cũng như tử vong đối với vị thành niên.

- Từ năm 2018 đến năm 2020, Hà Nội đã triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên: Tổ chức giao lưu nói chuyện theo chuyên đề, truyền thông, tuyên truyền với nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các trường học trên địa bàn Thành phố giúp vị thành niên, thanh niên có thể tự theo dõi sự thay đổi và phát triển của cơ thể cũng như biết cách tự chăm sóc bản thân trong giai đoạn dậy thì, truyền thông phòng chống xâm hại tình dục ở trẻ em. Tổ chức giám sát, hỗ trợ tại các điểm cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản thân thiện vị thành niên. Các quận, huyện, thị xã cũng tích cực triển khai các hoạt động cung cấp sức khỏe sinh sản cho nam giới và vị thành niên qua hoạt động khám sức khỏe sinh sản cho nam giới và tổ chức truyền thông tại trường học cho học sinh. Ngoài ra, trong giai đoạn này đã tổ chức nhiều lớp đào tạo nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cán bộ y tế cơ sở.

3. Một số khó khăn ảnh hưởng đến công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên

3.1. Nhân lực

Nhân lực y tế phân bố không đồng đều giữa các tuyến quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn trong hệ thống chăm sóc sức khỏe sinh sản. Thêm vào đó, nhân lực thường biến động nên tình trạng cán bộ được đào tạo lại không trực tiếp tham gia lâu dài trong cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên xảy ra khá phổ biến, dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ. Ngoài ra, nhân lực của khối trường học có khả năng tham gia cung cấp thông tin, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với vị thành niên, thanh niên còn hạn chế. Chưa triển khai đào tạo chuyên môn cho cán bộ cung cấp dịch vụ, cung cấp thông tin.

3.2. Tài chính

Đã bố trí kinh phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản trong đó có nội dung chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên, tuy nhiên lượng kinh phí còn hạn chế.

3.3. Hệ thống ghi nhận thông tin, theo dõi và giám sát

Hệ thống thu thập báo cáo đã có tuy nhiên còn nhiều khó khăn trong việc thu thập số liệu các chỉ số cơ bản về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên.

3.4. Cung cấp thông tin (kiến thức, cơ sở chăm sóc dịch vụ)

- Chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện mới dừng lại ở mô hình thí điểm, đa số lồng ghép trong cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chủ yếu là do không có kinh phí để triển khai.

- Việc cung cấp thông tin về kiến thức, cơ sở chăm sóc dịch vụ chủ yếu vẫn là tiếp cận qua các phương tiện thông tin đại chúng (Internet, Tivi, đài, báo...).

- Can thiệp chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục tại các trường Cao đẳng, Đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm và hầu như còn “bỏ ngỏ”. Can thiệp tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông được triển khai rộng rãi hơn thông qua chương trình mục tiêu Y tế - dân số và qua các dự án. Các hoạt động truyền thông cung cấp thông tin, tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tới các đối tượng vị thành niên, thanh niên ngoài nhà trường cũng đã được thực hiện nhưng tổ chức rời rạc, thiếu tính đồng bộ và quy mô.

- Việc cung cấp kiến thức và dịch vụ về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho các nhóm đối tượng như: nhóm vị thành niên trong độ tuổi từ 10 đến 14; nhóm vị thành niên, thanh niên chưa kết hôn; nhóm vị thành niên, thanh niên khuyết tật; nhóm vị thành niên, thanh niên lao động tại các khu công nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Việc tuyên truyền về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên trong cộng đồng, tới các bậc cha mẹ vẫn còn hạn chế.

- Dịch vụ thân thiện với vị thành niên, thanh niên là cách tiếp cận hiệu quả, đã được hướng dẫn thực hiện trong triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở y tế. Tuy nhiên việc cung cấp dịch vụ chưa đáp ứng được nhu cầu của vị thành niên, thanh niên. Việc thiết lập và duy trì mối liên kết, chuyển, gửi hiệu quả giữa các điểm cung cấp thông tin sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục tại trường học, cộng đồng, doanh nghiệp... và mạng lưới cung cấp dịch vụ thân thiện tại địa phương bao gồm cả các đơn vị y tế tuyến cơ sở còn rất hạn chế. Việc mở rộng dịch vụ thân thiện còn gặp nhiều khó khăn.

Phần II

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN, SỨC KHỎE TÌNH DỤC CHO VỊ THÀNH NIÊN, THANH NIÊN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021- 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên thông qua việc đẩy mạnh truyền thông, tư vấn và tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên môn kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục có chất lượng, phù hợp với điều kiện học tập, làm việc và sinh hoạt của các nhóm vị thành niên, thanh niên, góp phần đưa vị thành niên, thanh niên trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Tăng cường sự cam kết của các nhà quản lý và các bên liên quan nhằm tạo môi trường thuận lợi cho chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên dựa trên bằng chứng.

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- 100% các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên và có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên, bố trí ngân sách để thực hiện trong nhà trường, cộng đồng, doanh nghiệp.

- 100% cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản, trường học và tối thiểu 80% doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố có các kế hoạch thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên (bao gồm cả kinh phí thực hiện).

2.2. Mục tiêu 2: Tiếp tục nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi của vị thành niên, thanh niên về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và các đối tượng liên quan (cha mẹ, người nuôi dạy trẻ, thầy cô, Đoàn Thanh niên, chủ đơn vị/doanh nghiệp...) thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục và tư vấn phù hợp với đặc thù của các đối tượng ưu tiên.

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- Nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục toàn diện phù hợp với lứa tuổi bao gồm cả kỹ năng sống liên quan đến vấn đề sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục được đưa vào các hoạt động ngoại khóa, các giờ sinh hoạt trong nhà trường.

- $\geq 80\%$ vị thành niên, thanh niên thuộc nhóm đối tượng ưu tiên có hiểu biết về những nội dung cơ bản trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên như giáo dục giới tính, tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục/lây truyền qua đường tình dục, lây nhiễm HIV, phòng ngừa xâm hại và bạo lực tình dục, dự phòng phát hiện sớm ung thư đường sinh dục...

- $\geq 95\%$ các thầy cô giáo được cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

- $\geq 90\%$ bậc cha mẹ hoặc người giám hộ của vị thành niên, thanh niên thuộc nhóm tuổi từ 10 đến 14, nhóm vị thành niên, thanh niên khuyết tật được cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

- $\geq 70\%$ các chủ doanh nghiệp tại khu công nghiệp được cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

- $\geq 70\%$ người lao động (dưới 30 tuổi) trong các khu công nghiệp, có hiểu biết về các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục (như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong chăm sóc thai sản, biện pháp tránh thai...) và được cung cấp thông tin về nội dung cơ bản trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho thanh niên.

- $\geq 70\%$ vị thành niên, thanh niên thuộc nhóm đối tượng ưu tiên được cung cấp địa chỉ và biết các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đảm bảo chất lượng.

- $\geq 60\%$ vị thành niên, thanh niên thuộc nhóm đối tượng ưu tiên có hành vi tình dục an toàn.

3.3. Mục tiêu 3: Tăng cường tiếp cận nâng cao chất lượng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện cho vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là ở các nhóm đối tượng ưu tiên.

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- 100% cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện cho vị thành niên, thanh niên.

- 100% cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với vị thành niên, thanh niên.

- 90% cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

- 80% cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản cung cấp thông tin, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

II. ĐỐI TƯỢNG CAN THIỆP, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng can thiệp trực tiếp

Vị thành niên và thanh niên thành phố Hà Nội, trong đó ưu tiên các nhóm đối tượng sau:

- Nhóm vị thành niên trong độ tuổi từ 10 đến 14.
- Nhóm vị thành niên, thanh niên khuyết tật.
- Nhóm vị thành niên, thanh niên và người trẻ dưới 30 tuổi (là người chưa kết hôn hoặc đã kết hôn) lao động tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp.
- Nhóm vị thành niên, thanh niên người dân tộc thiểu số.
- Nhóm vị thành niên, thanh niên có hành vi nguy cơ cao đối với sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục như nhóm sử dụng ma túy và các chất gây nghiện, thanh niên mại dâm, nhóm có các xu hướng tính dục khác.

2. Đối tượng can thiệp gián tiếp

- Nhân viên y tế tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Nhóm đối tượng có ảnh hưởng/liên quan đến hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên: Các nhà hoạch định chính sách có liên quan đến hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; cha mẹ; thầy, cô giáo; nhà quản lý doanh nghiệp; cán bộ Đoàn thanh niên; cán bộ Công đoàn; cán bộ Hội Phụ nữ.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2022 đến hết năm 2025.

III. GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN

1. **Đẩy mạnh thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi**

1.1. Hoạt động truyền thông vận động chính sách

- Tổ chức truyền thông vận động về tầm quan trọng của sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên cho các nhà lãnh đạo, nhà quản lý các lĩnh vực liên quan như giáo dục, doanh nghiệp... qua các chương trình trên các phương tiện Truyền hình, Đài phát thanh, qua hội nghị, hội thảo chuyên đề hoặc lồng ghép; gặp gỡ vận động trực tiếp nhằm nâng cao hiểu biết của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành liên quan về những thách thức của việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

- Huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia vào vận động chính sách bằng cách tham gia giám sát, phân biện xã hội, góp ý cho chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

- Huy động nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên với việc đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên thông qua các chính sách ưu đãi; thu hút và huy động, khuyến khích các nguồn lực của xã hội trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

- Huy động các tổ chức xã hội thực hiện thí điểm các mô hình can thiệp chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho các nhóm đối tượng yếu thế và ưu tiên khác nhau tại gia đình, nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng.

- Hỗ trợ sự tham gia của vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên, trong vận động, đối thoại chính sách với lãnh đạo các cấp về nhu cầu thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và đề xuất các can thiệp phù hợp với họ.

1.2. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ tích cực và thay đổi hành vi

- Tăng cường tổ chức các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về:

+ Kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là kiến thức, hành vi tình dục an toàn về thực hành đúng các biện pháp tránh thai.

+ Tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thông qua hoạt động của nhà trường, các đoàn thể, doanh nghiệp để cung cấp thông tin, nâng cao hiểu biết về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, tâm sinh lý vị thành niên, thanh niên cũng như các địa chỉ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục tin cậy/số điện thoại đường dây nóng cho các đoàn viên, hội viên, các bậc cha mẹ, thầy cô giáo.

- Cung cấp các tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục toàn diện cho cán bộ y tế và cộng đồng, chú trọng các nhóm đối tượng ưu tiên qua tờ rơi, áp phích, tranh ảnh, hoặc qua video, clip xây dựng trên các kênh thông tin đại chúng.

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như xây dựng các chuyên mục, bài viết, phóng sự về vị thành niên, thanh niên trên các báo, đài. Đặc biệt chú trọng tới các loại hình truyền thông mới như internet, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, mạng xã hội, các ứng dụng trên điện thoại thông minh, v.v...

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp nhằm đa dạng hóa các loại hình truyền thông đến các nhóm đối tượng ưu tiên với nội dung chủ yếu về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục như: tình bạn, tình yêu, tình dục an toàn và lành mạnh, phòng có thai ngoài ý muốn, phòng tránh HIV, ngăn chặn sử dụng chất gây nghiện, v.v...

- Đẩy mạnh giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục toàn diện trong nhà trường: tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên; xây dựng góc tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục với nội dung phù hợp với từng bậc học, trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, các cuộc thi trong nhà trường, khuyến khích các hình thức giáo dục đồng đẳng như nhóm bạn, câu lạc bộ, v.v...

- Phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng (người cao tuổi, các vị chức sắc tôn giáo, các nhân vật trẻ có ảnh hưởng với giới trẻ, v.v...) trong việc giáo dục lối sống lành mạnh cho vị thành niên, thanh niên.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên

- Hoàn thiện hướng dẫn chuyên môn, chương trình, tài liệu đào tạo liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên:

+ Xây dựng, cập nhật hướng dẫn vận hành cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản thân thiện với vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên và quy trình về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở này.

+ Rà soát, bổ sung, cập nhật chương trình, tài liệu đào tạo liên tục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên để xây dựng chương trình tài liệu đào tạo cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục. Đào tạo cập nhật thường xuyên bắt buộc cho cán bộ y tế trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên. Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng đào tạo dựa trên năng lực, đào tạo lấy học viên làm trung tâm.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

- Tổ chức triển khai các hoạt động lồng ghép trong chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hành động giữa các ngành, các tổ chức liên quan, các địa phương, các đối tác phát triển trong nước và quốc tế trong việc thí điểm các mô hình can thiệp/triển khai các mô hình can thiệp có hiệu quả về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên.

- Triển khai các phẩm mềm thống kê y tế, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các tuyến từ cơ sở y tế công lập, tư nhân đến tuyến y tế cơ sở để có được hệ thống cung cấp số liệu chính xác, tránh chồng chéo trùng lặp hoặc bỏ sót các trường hợp được thăm khám, tư vấn.

3. Đảm bảo tài chính, đổi mới phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên

- Lồng ghép hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên với các chương trình, dự án đã và đang triển khai để thực hiện kế hoạch.

- Vận động các tổ chức trong và ngoài nước, các nhà tài trợ, các đối tác phát triển hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên, đặc biệt cả nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên.

- Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người lao động tại các khu công nghiệp.

4. Đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên

- Tăng cường nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên, bao gồm cả nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên, đặc biệt là ở tuyến xã và vùng nông thôn theo hướng hợp tác y tế công tư.

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ thông qua các hoạt động:

+ Xây dựng chương trình đào tạo, tài liệu đào tạo chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên.

+ Tổ chức và đa dạng hóa hình thức đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế đang làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên, bao gồm cả nhân viên y tế tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp.

+ Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên.

5. Cơ sở vật chất và nghiên cứu khoa học, công nghệ

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng lồng ghép hoạt động cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện cho vị thành niên, thanh niên, đặc biệt ưu tiên cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho nhóm vị thành niên, thanh niên ưu tiên, tại cơ sở y tế, trường học, khu công nghiệp và cộng đồng.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, phù hợp trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

6. Nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện cho vị thành niên, thanh niên

- Kết nối và phát triển mạng lưới các cơ sở y tế công lập và tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện và toàn diện cho vị thành niên, thanh niên, tập trung triển khai cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Tổ chức các đợt chăm sóc lưu động về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện và toàn diện, kết hợp với các chương trình truyền thông, đảm bảo tính thuận tiện về thời gian và địa điểm cho vị thành niên, thanh niên tại trường học, cộng đồng và khu công nghiệp/khu chế xuất.

- Mở rộng và tăng cường áp dụng các cách tiếp cận mới trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thông qua các dự án cộng đồng (như phòng chống bạo lực trên cơ sở giới...), các ứng dụng công nghệ thông tin/trí tuệ nhân tạo,... đồng thời nhằm cải thiện chất lượng thông tin/dịch vụ và nâng cao sự hài lòng cũng như tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội từ ngân sách Nhà nước, cơ sở tư nhân, các tổ chức phi chính phủ/phi lợi nhuận và người sử dụng dịch vụ là vị thành niên, thanh niên.

- Ngành Y tế phối hợp các đơn vị liên quan như Sở Giáo dục và Đào tạo, Thành Đoàn, Hội Phụ nữ, Liên đoàn lao động Thành phố xây dựng các mô hình điểm cung cấp thông tin, tư vấn, dịch vụ tại các địa điểm thích hợp như nhà trường, cộng đồng, khu công nghiệp/khu chế xuất.

7. củng cố và hoàn thiện hệ thống giám sát, thống kê, theo dõi báo cáo

- Cập nhật bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên; tập huấn cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

- Cải thiện quy trình quản lý thông tin về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên (bao gồm: thu thập, phân tích, lưu trữ thông tin) trên nền tảng hệ thống thống kê báo cáo và cơ sở dữ liệu về sức khỏe sinh sản hiện có.

- Tăng cường thu thập, phân tích dữ liệu và sử dụng các thông tin đã phân tích theo độ tuổi, giới, trình độ, nơi học tập/làm việc, tôn giáo, vùng địa lý và loại hình dịch vụ liên quan tới sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

- Xây dựng tiêu chí, bộ công cụ giám sát, đánh giá để xác định kết quả đầu ra của kế hoạch theo từng nhóm giải pháp.

- Hàng năm kiểm tra, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh các hoạt động phù hợp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi toàn Thành phố.

- Chỉ đạo các đơn vị Y tế trong ngành triển khai Kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Cung cấp thông tin về các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch trên địa bàn Thành phố cho các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, các cơ quan báo chí để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền hiệu quả.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong đầu tư cho các kế hoạch, chương trình, dự án liên quan tới việc thực hiện khai Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 cũng như thu hút đầu tư cho lĩnh vực này.

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban Nhân dân thành phố trong việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên vào nội dung, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

3. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch UBND Thành phố, hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan và khả năng cân đối ngân sách cấp Thành phố, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên cho các đơn vị để triển khai thực hiện theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai các hoạt động ngoại khóa giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho

vị thành niên, thanh niên trong trường học. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động giáo dục, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên phù hợp với trẻ em, học sinh.

- Đẩy mạnh giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục toàn diện trong nhà trường: tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên; xây dựng góc tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục với nội dung phù hợp với từng bậc học, trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, các cuộc thi trong nhà trường...

- Phối hợp với ngành Y tế xây dựng kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát các hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên trong trường học theo quy định

- Phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên, thông tin cho phụ huynh về tình trạng sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của học sinh trong trường học.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí Thành phố và phối hợp cơ quan báo chí Trung ương ký chương trình phối hợp công tác với Thành phố và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tích cực tuyên truyền kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên, cho người dân; công tác triển khai Kế hoạch trên địa bàn Thành phố, góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ tích cực và thay đổi hành vi.

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng tài liệu tuyên truyền kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của ngành; tăng cường lồng ghép tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nữ công nhân tại các khu công nghiệp.

7. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Y tế tuyên truyền, vận động các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Công thương trên địa bàn thành phố thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

8. Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

- Hàng năm chỉ đạo các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên vào nội dung hoạt động của doanh nghiệp.

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, đôn đốc, giám sát việc chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục tại các khu công nghiệp, kịp thời phát hiện những tồn tại, vướng mắc, báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố để giải quyết.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cũng như ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực này.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội; các Báo: Hànộimới, Kinh tế và Đô thị

Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên trong các chương trình, chuyên mục Dân số và sức khỏe, góc nhìn trẻ.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong công tác truyền thông vận động đến lãnh đạo Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, người có uy tín trong cộng đồng nhằm tăng cường sự ủng hộ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên, đồng thời tích cực tham gia công tác truyền thông - giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của người dân về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên; giám sát việc triển khai thực hiện chính sách đối với công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội.

- Thành đoàn Hà Nội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Hội Nông dân phối hợp Sở Y tế thực hiện truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên.

12. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021-2025 địa bàn.

- Chủ động bố trí các nguồn lực để triển khai các hoạt động thực hiện kế hoạch nhằm giải quyết các vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục đối với vị thành niên, thanh niên tại trường học, khu công nghiệp, với các nhóm có nguy cơ cao...

- Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương, đảm bảo nhân lực cho hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên trên địa bàn.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên tại cộng đồng.

- Phối hợp với các Sở, ngành giám sát, đôn đốc, kiểm tra và thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra của kế hoạch.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã gửi báo cáo kết quả thực hiện hàng năm trước ngày 15 tháng 12 về Sở Y tế (cơ quan thường trực) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế; *AM*
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ VN thành phố Hà Nội;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Các phòng: KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, KGVX_{AN}.

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *n*
PHÓ CHỦ TỊCH



Chữ Xuân Dũng